

Số: 08/2024/DS-ST

Ngày: 13 – 3 – 2024

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng;
2. Ông Châu Khon Sóc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Chanh Đô Ra là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 298/2023/TLST-DS, ngày 11 tháng 12 năm 2023 về: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXX- DS ngày 02 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1961; địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1968 – bà Hồ Thị Đ, sinh năm: 1969; cùng địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: Tổ I, ấp V, xã V, huyện T, An Giang.

(*Tại phiên tòa, ông H có mặt; ông T – bà Đ vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/11/2023 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông H là chủ hộ kinh doanh bán vật tư nông nghiệp gồm: Phân bón, thuốc trừ sâu... Vợ chồng ông Phạm Văn T – bà Hồ Thị Đ là nông dân mua vật tư của ông H về phục vụ canh tác lúa. Thời gian bắt đầu mua từ năm 2016 đến ngày 13/5/2019 thì ngưng, thỏa thuận khi mua là thu hoạch lúa xong sẽ thanh toán dứt nợ. Quá trình thực hiện từ năm 2017 trở về trước thì ông T – bà Đ thanh toán đầy đủ. Sau khi tạo lòng tin ở hộ kinh doanh của ông thì từ năm 2018 ông T – bà Đ mua nhiều hơn và bắt đầu nợ lại. Tính đến ngày 13/5/2019 khi hai bên kết sổ nhau thì ông T – bà Đ còn nợ lại ông 238.000.000 đồng, nhiều lần trực tiếp đến nhà đòi thì ông T – bà Đ có trả được tổng cộng 60.000.000 đồng trong đó có 47.000.000 đồng tiền lãi, thời gian trả đến cuối năm 2021, số còn lại

225.000.000 đồng ông T - bà Đ cứ hẹn mà không trả. Nay ông yêu cầu ông T – bà Đ phải trả ngay 225.000.000 đồng cùng lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ tháng 5/2019, đến khi Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho ông Phạm Văn T – bà Hồ Thị Đ để tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nhưng ông bà vẫn vắng mặt không lý do.

Tại biên bản lời khai ngày 09/01/2024 ông T thừa nhận vào thời gian trên ông có mua vật tư nông nghiệp của ông H. Nội dung mua đúng như ông H trình bày, mục đích mua là sử dụng vào canh tác lúa tại xã V, huyện T. Khi mua có ghi sổ theo dõi và kết sổ ngày nợ 09/5/2020, xác định đến ngày 13/5/2019 vợ chồng ông còn nợ ông H 238.000.000 đồng và sau đó có trả nhiều lần được tổng cộng 65.000.000 đồng, thay vì còn lại 173.000.000 đồng, nhưng trong sổ nợ ghi còn 225.000.000 đồng là vì trong đó có 52.000.000 đồng ông trả lãi cho ông H. Nay ông xin giảm dứt tiền lãi, còn vốn thì xin trả mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa, ông H cũng chấp nhận ông T trả tổng cộng 65.000.000 đồng mà không phải 60.000.000 đồng và thời gian trả đến cuối năm 2021, ngày tháng không nhớ và ông yêu cầu ông T – bà Đ phải liên đới trả số tiền 238.000.000 đồng cùng với lãi suất chậm trả kể từ tháng 5/2019 đến khi xét xử có khấu trừ lại 65.000.000 đồng của ông T.

Đối với ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Riêng bà Đ đã được triệu tập họp lệ để tham dự phiên tòa, nhưng ông bà vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Ông T thừa nhận có cùng bà Đ mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng của ông H và còn nợ 238.000.000 đồng, có trả 65.000.000 đồng, còn lại không trả tiếp, nên ông H kiện là có căn cứ. Ông H yêu cầu tính lãi chậm trả kể từ tháng 5/2019 là phù hợp với Điều 357 Bộ luật dân sự, nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục: Tại phiên tòa, bị đơn Phạm Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, riêng bà Hồ Thị Đ đã được triệu tập họp lệ lần hai nhưng vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử trong trường hợp vắng mặt ông T, bà Đ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu – thẩm quyền: Xác định số nợ còn lại là từ tháng 5/2019, có trả đến cuối năm 2021 thì không trả nữa, nên ngày 22/11/2023 ông H khởi kiện là còn trong thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự. Ông T – bà Đ có địa chỉ cư trú tại xã V, huyện A, tỉnh An Giang, nhưng hợp đồng mua bán giữa các bên thực hiện tại huyện T; ông H lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, Tòa án huyện T giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Hợp đồng mua bán giữa hai bên tuy không lập thành văn bản, nhưng tự thỏa thuận nhau trên nguyên tắc tự nguyện phù hợp pháp luật. Quá trình mua bán có ghi sổ theo dõi, có kết sổ nợ được hai bên thừa nhận, nên xem là hợp đồng hợp pháp.

Giai đoạn hòa giải, ông T thừa nhận có cùng bà Đ mua và còn nợ của ông Hữu t đến ngày 13/5/2019 số tiền 238.000.000 đồng, trả được 65.000.000 đồng thì không trả tiếp, nên ông H khởi kiện là có căn cứ.

Tuy nhiên, theo ông T thay vì ông trả cho ông H 65.000.000 đồng thì còn lại 173.000.000 đồng, nhưng trong 65.000.000 đồng đó ông Hữu tính lãi 52.000.000 đồng, theo mức lãi 01% tháng = 12% năm, còn 13.000.000 đồng là vốn để khấu trừ vào 238.000.000 đồng, còn lại 225.000.000 đồng là ông không đồng ý.

Xét thấy, thỏa thuận khi mua là thu hoạch xong vụ lúa sẽ thanh toán, nhưng ông T – bà Đ không thực hiện đúng theo thỏa thuận, nên thiệt hại quyền lợi cho ông H. Tại phiên tòa ông H giữ nguyên yêu cầu tính lãi chậm trả là phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, ông Hữu t lãi theo mức 01%/tháng = 12% năm là cao, nên cần điều chỉnh lại như sau:

Thời gian kết sổ là tháng 5/2019 đến nay là tháng 03/2024 bằng 04 năm 09 tháng = 53 tháng. Lãi suất chậm trả Quy định 10%/năm. Cụ thể: $238.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 53 \text{ tháng} / 12 = 105.116.500 \text{ đồng}$.

Tổng cộng vốn lãi, ông T – bà Đ nợ là $238.000.000 \text{ đồng} + 105.116.500 \text{ đồng} = 343.116.500 \text{ đồng}$.

Đề quyền lợi của ông T – bà Đ không bị thiệt thòi, HĐXX cũng nên tính lãi đối với khoản tiền mà ông T đã trả như sau: Số tiền 65.000.000 đồng ông T trả trong năm 2021 được tính chung là tháng 6/2021 đến nay tháng 03/2024 bằng 02 năm 07 tháng = 31 tháng. Lãi suất đối với phần tiền 65.000.000 đồng. Cụ thể: $65.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 31 \text{ tháng} / 12 = 16.791.500 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền ông T – bà Đ được xác định đã trả cho ông H là: $65.000.000 \text{ đồng} + 16.791.500 \text{ đồng} = 81.791.500 \text{ đồng}$.

Khấu trừ tiền ông T – bà Đ trả cho ông H: $343.116.500 \text{ đồng} - 81.791.500 \text{ đồng}$, còn lại 261.325.000 đồng, buộc ông T – bà Đ phải trả tiếp cho ông H.

Ông T xin giảm tiền lãi và xin trả dần nhưng không được ông H đồng ý, nên HĐXX chỉ xác định nghĩa vụ trả nợ, còn thời gian trả như thế nào HĐXX giải thích cho các bên biết sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn H là đối tượng được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Riêng ông Phạm Văn T – bà Hồ Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 430, 440, 357, 288 Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Buộc ông Phạm Văn T – bà Hồ Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn H 261.325.000 đồng (*hai trăm sáu mươi một triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Ông Phạm Văn T – bà Hồ Thị Đ phải chịu 13.066.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/3/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ